

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 9 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tổng Duy Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thanh.
- Bà Dương Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giàng Mạnh Vàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai.

Ngày 11/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/8/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lù Thị L, năm sinh 2003.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã M, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Sải Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã M, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lù Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 nhưng đến ngày 10/02/2022 mới đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Lào Cai; nay là xã M, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Đến nay thì mâu thuẫn giữa anh chị trở nên trầm trọng hơn, anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau nhiều hơn và đến thời điểm hiện tại thì không thể chung sống cùng nhau được nữa, anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm ai. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình động viên nhiều lần nhưng không thành. Nay chị L xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được,

nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T để đảm bảo cuộc sống riêng của hai người.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị L và anh T chỉ có hai người con chung là cháu Sải Xuân H, sinh ngày 20/12/2020 và cháu Sải Thị T, sinh ngày 25/11/2021. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H và cháu T cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu H và cháu T không được ai tặng cho, thừa kế tài sản gì và đang ở với anh T. Hiện nay nghề nghiệp của chị L là làm tự do, thu nhập một tháng khoảng 3.000.000 đồng. Còn anh T cũng làm tự do, làm ruộng, nương, thu nhập một tháng khoảng 5.000.000 đồng.

2. Đề nghị của bị đơn: Tại Biên tự khai ngày 08/8/2025 và những lời trình bày tiếp theo, bị đơn anh Sải Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T nhất trí với chị L đã trình bày về thời gian chung sống, việc tổ chức cưới hỏi, nơi cư trú, nghề nghiệp, thu nhập của chị L, anh T và hai con của anh chị. Cuộc sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau và chị L hay đi làm thuê sau đó chị L về nhà thường hay xa lánh và lạnh nhạt về mặt tình cảm với anh T. Đến nay anh T thấy mâu thuẫn giữa anh chị chưa đến mức trầm trọng, mặc dù vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 2024 cho đến nay. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh T không đồng ý ly hôn chị L. Nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình động viên nhiều lần nhưng không thành.

- Về nuôi con khi ly hôn: Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Sải Xuân H và cháu Sải Thị T cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, cháu H và cháu T đều đang ở cùng anh T tại thôn T, xã M, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của chị L thuộc thẩm quyền giải của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án nguyên đơn và bị đơn đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải và chuẩn bị xét xử. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Qua lời khai của chị L và anh T, thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn

do cả hai anh chị tính tình vợ chồng không hợp nhau, chị L cho rằng: anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau nhiều hơn và đến thời điểm hiện tại thì mâu thuẫn giữa anh chị trở nên trầm trọng hơn và không thể chung sống cùng nhau được nữa, anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm ai; còn anh T thì cho rằng: chị L hay đi làm thuê sau đó chị L về nhà thường hay xa lánh và lạnh nhạt về mặt tình cảm với anh T, nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình động viên nhiều lần nhưng không thành, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng chị L vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để đảm bảo cuộc sống riêng của hai người, bản thân anh T và chị L cũng đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Xét thấy, việc chị L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong thời gian chị L và anh T chung sống với nhau chỉ có hai người con chung là cháu Sải Xuân H và cháu Sải Thị T, hiện nay cháu H và cháu T đang ở cùng với anh T, anh T là người quan tâm chăm sóc cháu H và cháu T về mọi mặt; nghề nghiệp của chị L là làm tự do, thu nhập một tháng khoảng 3.000.000 đồng, còn anh T cũng làm tự do, làm ruộng, nương, thu nhập một tháng khoảng 5.000.000 đồng. Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải và tại Biên bản hòa giải ngày 18/8/2025, chị L và anh T đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Cụ thể, anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H và cháu T cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 15 và khoản 1,2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Đồng thời, sau khi chị L và anh T không còn chung sống với nhau, người không trực tiếp nuôi con: có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1,3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tại Biên bản hòa giải ngày 18/8/2025, chị L và anh T đã thỏa thuận là chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lù Thị L và anh Sải Văn T. Quan hệ hôn nhân của chị Lù Thị L và anh Sải Văn T được chấm dứt kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Anh Sải Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Sải Xuân H, sinh ngày 20/12/2020 và cháu Sải Thị T, sinh ngày 25/11/2021 cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi. Chị Lù Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lù Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000589 ngày 08/8/2025 của T hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND cùng cấp (2);
- THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã M, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HSVA, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Tổng Duy Toán